

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/02/2022

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Quốc Quý và bà Nguyễn Thị Hoài,

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa:
Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2021/TLST-HN/GĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Nh** - sinh năm 1985

HKTT: Thôn Kh, xã B, huyện M, tỉnh D;

- Bị đơn: Anh **Vũ Ngọc B** - sinh năm 1982

HKTT: Thôn Kh, xã B, huyện M, tỉnh D;

Chị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Ngọc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 13/02/2006 và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống vui vẻ hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh B chơi bời, cờ bạc, không chịu làm ăn chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị đã nhiều lần về nhà bố mẹ để ở, mâu thuẫn càng thẳng thắt từ tháng 07/2020 chị tiếp tục bỏ về nhà để ở. Anh B có tìm chị, hai bên gia đình có khuyên giải, động viên nhưng chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể khắc phục được nên chị không về đoàn tụ. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2020 không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh B không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được thêm nữa, chị xin ly hôn và không chấp nhận đoàn tụ với anh B. Việc anh B không đến Tòa án để giải quyết ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị

trong việc ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh B theo quy định để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh B có 03 con chung là Vũ Thị Lan Anh, sinh ngày 10/8/2006; Vũ Ngọc Duy, sinh ngày 22/3/2011 và Vũ Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 15/9/2012. Cháu Lan Anh, cháu Ngọc Ánh có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Duy có nguyện vọng ở với bố. Ly hôn chị đồng ý theo nguyện vọng của các con, chị đề nghị được nuôi cháu Lan Anh và cháu Ngọc Ánh, anh B nuôi cháu Duy, chị tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành. Chị làm công ty lương thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng, bố chị vẫn khoẻ mạnh sẵn sàng hỗ trợ cho chị mọi mặt để nuôi con, gia đình chị có chỗ ở rộng rãi, đầy đủ tiện nghi. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho hai con.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Tòa án, tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ bị đơn anh Vũ Ngọc B trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị Nh trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận tuy nhiên không tránh khỏi mâu thuẫn, chị Nh đã bỏ về nhà đẻ ở, anh đã đến tìm chị nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ tập chung nuôi con nhưng chị Nh không về, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, anh xác định không bỏ vợ, bỏ con, vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn nên anh mong muốn chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh không có biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình. Việc chị Nh xin ly hôn là việc của chị Nh, tự chị Nh giải quyết.

Về con chung: Anh và chị Nh có 03 con chung là Vũ Thị Lan Anh, sinh ngày 10/8/2006; Vũ Ngọc Duy, sinh ngày 22/3/2011 và Vũ Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 15/9/2012. Tại lời khai của các con của anh B, chị Nh thể hiện nguyện vọng của cháu Lan Anh, cháu Ngọc Ánh mong muốn được ở với mẹ, cháu Duy mong muốn được ở với bố và bà nội. Anh B, chị Nh nhất trí theo nguyện vọng của các con, anh đề nghị được nuôi cháu Duy, chị Nh nuôi cháu Anh, cháu Ánh, chị Nh tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh đồng ý, anh tự nguyện không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Vũ Văn Nh trình bày: Ông là bố đẻ của chị Vũ Thị Nh, là ông ngoại của cháu Vũ Thị Lan Anh, Vũ Ngọc Duy và Vũ Thị Ngọc Ánh, quá trình chung sống, chị Nh, anh B phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Nh được ly hôn anh B. Anh chị có 03 con chung, cháu Lan Anh, cháu Ngọc Ánh đang ở với mẹ và ông, cháu Duy đang ở với bố và bà nội. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Nh, anh B và của các cháu. Trường hợp Tòa giao cho chị Nh nuôi 02 con, ông sẵn sàng hỗ trợ thêm và sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị Nh chỗ ăn ở và chăm sóc con với điều kiện tốt nhất để cho chị Nh nuôi con. Về tài sản, nợ chung, công sức, anh chị không có công sức đóng góp gì với ông.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Vũ Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Vũ Ngọc B và là bà nội của cháu Vũ Thị Lan Anh, Vũ Ngọc Duy và Vũ Thị Ngọc Ánh. Trong quá trình chung sống, chị Nh, anh B không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, đến tháng 02/2020 thì anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, chị Nh về nhà đẻ ở và không

quay lại đoàn tụ với anh B. Gia đình bà đã khuyên ngăn nhưng không kết quả, hai bên gia đình không gặp nhau để bàn bạc, khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng, anh chị ly thân từ đó mỗi người ở một nơi, nay chị Nh xin ly hôn anh B, bà mong muốn Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 03 con chung là cháu Lan Anh, cháu Ngọc Ánh đang ở với mẹ, cháu Duy đang ở với bố và bà, nguyện vọng của cháu Duy được ở với bố, anh B có nguyện vọng nuôi cháu Duy, bà đồng ý với ý kiến của anh B, bà sẽ hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất để anh B nuôi con. Về tài sản, nợ chung, công sức anh chị không có công sức đóng góp gì với bà.

Kết quả làm việc tại chính quyền địa phương và các đoàn thể có liên quan của xã Chi Lăng Bắc cung cấp: Anh B, chị Nh có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương. Anh B, chị Nh có xảy ra mâu thuẫn sau đó chị Nh về nhà đẻ ở, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Do anh chị không báo cáo nên chính quyền và các đoàn thể không biết để hoà giải. Nay, chị Nh xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ, nếu anh B, chị Nh không thể tiếp tục chung sống với nhau đề nghị Toà án căn cứ vào thực trạng mâu thuẫn của vợ chồng để giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 và 238, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Nh được ly hôn anh Vũ Ngọc B.

Về con chung: Xử giao chị Vũ Thị Nh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Thị Lan Anh, sinh ngày 10/8/2006 và Vũ Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 15/9/2012 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cho anh Vũ Ngọc B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Ngọc Duy, sinh ngày 22/3/2011 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh, anh B không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Nh, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị Nh, anh B không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Vũ Thị Nh có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Ngọc B; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn Kh, xã B, huyện M, tỉnh D; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Vũ Thị Nh nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình thu thập chứng cứ anh B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh Vũ Ngọc B vắng mặt không có lý do, chị Nh có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Vũ Thị Nh và anh Vũ Ngọc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 13/02/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị Nh xác định vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận đến năm 2016 thì đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh B chơi bời, cờ bạc chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2020. Đối với việc chị Nh xin ly hôn anh B mong muốn đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải, khi Tòa án báo gọi làm việc và hoà giải anh cố tình không chấp hành, gây khó khăn cho việc hoà giải của Tòa án, mục đích gây khó khăn cho chị Nh chứng tỏ anh không có thiện trí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nên không hợp tác với Tòa án.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nh và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh B không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị Nh thực hiện quyền ly hôn. Do vậy, cần áp dụng quy định của pháp luật xử cho chị Vũ Thị Nh được ly hôn anh Vũ Ngọc B là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Nh, anh B có 03 con chung là Vũ Thị Lan Anh, sinh ngày 10/8/2006; Vũ Ngọc Duy, sinh ngày 22/3/2011 và Vũ Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 15/9/2012. Chị Nh làm công ty ở gần nhà lương thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng, thu nhập ổn định, chị cam kết đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành, bố chị sẵn sàng tạo điều kiện cho mẹ con chị tốt nhất về cơ sở vật chất, nơi ăn ở, chị tự nguyện không yêu cầu anh Vũ Ngọc B cấp dưỡng tiền nuôi con chung, công việc và thu nhập của anh B không ổn định, thường đi làm ăn xa, cháu Duy chủ yếu do bà nội chăm sóc. Xét nguyện vọng của cháu Anh, cháu Ánh có nguyện vọng ở với mẹ, chị Nh cũng có nguyện vọng nuôi hai con, cháu Duy có nguyện vọng ở với bố, anh B có nguyện vọng nuôi cháu Duy. Chị Nh, anh B tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của các bên và nguyện vọng của các cháu. Hội đồng

xét xử: Giao cho chị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Lan Anh và Vũ Thị Ngọc Ánh. Giao cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Duy. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh, anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị Nh, anh B không yêu cầu nên nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Vũ Thị Nh khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thị Nh được ly hôn anh Vũ Ngọc B.

2- *Về con chung*: Xử giao chị Vũ Thị Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vũ Thị Lan Anh, sinh ngày 10/8/2006 và Vũ Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 15/9/2012 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cho anh Vũ Ngọc B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc Duy, sinh ngày 22/3/2011 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Công nhận sự tự nguyện của chị Nh, anh B không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Nh, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị Vũ Thị Nh, anh Vũ Ngọc B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Vũ Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004020 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị Nh đã nộp đủ án phí.

4- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Chi Lăng Bắc, huyện Thanh Miện;
- (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Quang Khuyến